Pro

Chapter 3

Vietnamese Interlinear

Reference: Vietnamese Bible (1934)

1

בְּנִי	תּוֹרָתִי	אַל־	תִּשְׁכָּח	וּמִצְוֹתַי	יִצֹּר	לִבָּךְ׃
con–trai–tôi	luật–pháp–tôi	đừng	quên	và–điều–răn–tôi	gìn–giữ	lòng–ngươi
	H8451	H0408	H7911	H4687	H5341	

Hỡi con, chớ quên sự khuyên dạy ta, Lòng con khá giữ các mạng lịnh ta;

2

כִּי	אֹרֶךְ	יָמִים	וּשְׁנוֹת	חַיִּים	וְשָׁלוֹם	יוֹסִיפוּ	לָךְ׃
vì	chiều–dài	ngày	và–năm	sự–sống	và–bình–an	thêm	—
	H0753	H3117	H8141		H7965	H3254	

Vì nó sẽ thêm cho con lâu ngày, Số năm mạng sống, và sự bình an.

3

חֶסֶד	וֶאֱמֶת	אַל־	יַעַזְבֶךָּ	קָשְׁרֵם	עַל־	גַּרְגְּרוֹתֶיךָ	כָּתְבֵם
sự–nhân–từ	và–sự–chân–thật	đừng	lìa–bỏ–ngươi	âm–mưu–họ	trên	cổ–ngươi	viết–họ
	H0571	H0408		H7194		H1621	H3789

עַל־	לוּחַ	לִבָּךְ׃
trên	bảng	lòng–ngươi
	H3871	

Sự nhơn từ và sự chơn thật, chớ để lìa bỏ con; Hãy đeo nó vào cổ, ghi nó nơi bia lòng con;

4

וּמְצָא־	חֵן	וְשֵׂכֶל־	טֹוב	בְּעֵינֵי	אֱלֹהִים	וְאָדָם׃	
và–tìm–thấy	ân–huệ	và–sự–khôn–sáng	tốt–lành	trong–mắt	Đức–Chúa–Trời	và–loài–người	
H4672	H2580	H7922			H0430	H0120	

פ
—

Như vậy, trước mặt Đức Chúa Trời và loài người Con sẽ được ơn và có sự khôn ngoan thật.

5

אַל־	בִּינָתְךָ	וְאֶל־	לִבָּךְ	בְּכָל־	יְהוָה	אֶל־	בְּטַח	
đừng	sự–thông–sáng–ngươi	và–đến	lòng–ngươi	trong–tất–cả	Đức–Giê-hô-va	đến	tin–cậy	
H0408	H0998	H0413		H3605	H3068	H0413	H0982	

תִּשָּׁעֵן׃
nương–dựa
H8172

Hãy hết lòng tin cậy Đức Giê-hô-va, Chớ nương cậy nơi sự thông sáng của con;

6

בְּכָל־	דְּרָכֶיךָ	דָּעֵהוּ	וְהוּא	יְיַשֵּׁר	אֹרְחֹתֶיךָ׃	
trong–tất–cả	đường–ngươi	biết–người	và–ấy	ngay–thẳng	lối–đi–ngươi	
H3605	H1870	H3045	H1931	H3474	H0734	

Phàm trong các việc làm của con, khá nhận biết Ngài, Thì Ngài sẽ chỉ dẫn các nẻo của con.

7

וְסוּר	יְהוָה	אֶת־	יְרֵא	בְּעֵינֶיךָ	חָכָם	תְּהִי	אַל־
và–lìa–xa	Đức–Giê-hô-va	[mục–đích]	kính–sợ	trong–mắt–ngươi	khôn–ngoan	là	đừng
H5493	H3068	H0853	H3372		H2450	H1961	H0408

מֵרָֽע׃
từ–xấu

Chớ khôn ngoan theo mắt mình; Hãy kính sợ Đức Giê-hô-va, và lìa khỏi sự ác:

8

לְעַצְמוֹתֶֽיךָ׃	וְשִׁקּוּי	לְשָׁרֶךָ	תְּהִי	רִפְאוּת
cho–xương–ngươi	[H8250]	[H8270]	là	[H7500]
H6106	H8250	H8270	H1961	H7500

Như vậy, cuống rốn con sẽ được mạnh khỏe, Và xương cốt con được mát mẻ.

9

תְּבוּאָתֶֽךָ׃	כָּל־	וּמֵרֵאשִׁית	מֵהוֹנֶךָ	יְהוָה	אֶת־	כַּבֵּד
hoa–lợi–ngươi	tất–cả	và–từ–ban–đầu	từ–của–cải–ngươi	Đức–Giê-hô-va	[mục–đích]	tôn–trọng
H8393	H3605	H7225	H1952	H3068	H0853	H3513

Hãy lấy tài vật và huê lợi đầu mùa của con, Mà tôn vinh Đức Giê-hô-va;

10

פ	יִפְרְצוּ׃	יְקָבֶיךָ	וְתִירוֹשׁ	שָׂבָע	אֲסָמֶיךָ	וְיִמָּלְאוּ
—	phá–vỡ	[H3342]	[H8492]	[H7647]	[H0618]	và–đầy–dẫy
	H6555	H3342	H8492	H7647	H0618	H4390

Vậy, các vựa lẫm con sẽ đầy dư dật, Và những thùng của con sẽ tràn rượu mới.

11

תָּקֹץ	וְאַל־	תִּמְאָס	אַל־	בְּנִי	יְהוָה	מוּסַר
[H6973]	và–đừng	từ–chối	đừng	con–trai–tôi	Đức–Giê-hô-va	sự–khuyên–dạy
H6973	H0408		H0408		H3068	H4148

בְּתוֹכַחְתּוֹ׃
trong–sự–quở–trách–người

Hỡi con, chớ khinh điều sửa phạt của Đức Giê-hô-va, Chớ hiềm lòng khi Ngài quở trách;

12

אֶת־	וּכְאָב	יוֹכִיחַ	יְהוָה	יֶאֱהָב	אֲשֶׁר	אֶת	כִּי
[mục–đích]	và–như–cha	quở–trách	Đức–Giê-hô-va	yêu–thương	mà	[mục–đích]	vì
H0853	H0001	H3198	H3068	H0157		H0853	

יִרְצֶֽה׃	בֵּן
vui–lòng	con–trai
H7521	

Vì Đức Giê-hô-va yêu thương ai thì trách phạt nấy. Như một người cha đối cùng con trai yêu dấu mình.

13

תְּבוּנָֽה׃	יָפִיק	וְאָדָם	חָכְמָה	מָצָא	אָדָם	אַשְׁרֵי
sự–sáng–suốt	cung–cấp	và–loài–người	sự–khôn–ngoan	tìm–thấy	loài–người	phước–thay
H8394	H6329	H0120	H2451	H4672	H0120	H0835

Người nào tìm đặng sự khôn ngoan, Và được sự thông sáng, có phước thay!

14

תְּבוּאָתָֽהּ׃	וּמֵחָרוּץ	כֶּסֶף	מִסְּחַר־	סְחָרָהּ	טוֹב	כִּי
hoa–lợi–nó	và–từ–vàng–ròng	bạc	[H5505]	hàng–hóa–nó	tốt–lành	vì
H8393		H3701	H5505	H5504		

Vì thà được nó hơn là được tiền bạc, Hoa lợi nó sanh ra tốt hơn vàng ròng.

15

יְקָרָה	הִיא	]מפניים	(מִפְּנִינִים	וְכָל־	חֲפָצֶיךָ	לֹא	יְשֻׁוֶּה־
quý–giá	ấy	từ–san–hô	từ–san–hô	và–tất–cả	niềm–vui–thích–ngươi	không	bằng–nhau
H3368	H1931	H6443	H6443	H3605	H2656	H3808	

בָּהּ׃
—

Sự khôn ngoan quí báu hơn châu ngọc, Chẳng một bửu vật nào con ưa thích mà sánh kịp nó được.

16

וְכָבוֹד׃	עֹשֶׁר	בִּשְׂמֹאולָהּ	בִּימִינָהּ	יָמִים	אֹרֶךְ	
và–vinh–quang	sự–giàu–có	trong–trái–nó	trong–bên–phải–nó	ngày	chiều–dài	
H3519	H6239	H8040	H3225	H3117	H0753	

Tay hữu nó cầm sự trường thọ, Còn trong tay tả, có sự giàu có và vinh hiển.

17

שָׁלוֹם׃	נְתִיבוֹתֶיהָ	וְכָל־	נֹעַם	דַּרְכֵי־	דְּרָכֶיהָ	
bình–an	con–đường–nó	và–tất–cả	sự–êm–dịu	đường	đường–nó	
H7965		H3605	H5278	H1870	H1870	

Các nẻo nó vốn là nẻo khoái lạc, Và các lối nó cả điều bình an.

18

פ	מְאֻשָּׁר׃	וְתֹמְכֶיהָ	בָּהּ	לַמַּחֲזִיקִים	הִיא	חַיִּים	עֵץ־	
—	phước	và–nắm–giữ–nó	—	cho–mạnh–mẽ	ấy	sự–sống	cây	
	H0833	H8551		H2388	H1931		H6086	

Nó là cây sự sống cho ai nắm lấy nó; Người nào cầm giữ nó đều được phước hạnh.

19

בִּתְבוּנָה׃	שָׁמַיִם	כּוֹנֵן	אָרֶץ	יָסַד־	בְּחָכְמָה	יְהוָה
trong–sự–sáng–suốt	trời	lập–vững	đất	đặt–nền	trong–sự–khôn–ngoan	Đức–Giê–hô–va
H8394	H8064		H0776	H3245	H2451	H3068

Đức Giê-hô-va dùng sự khôn ngoan lập nên trái đất; Nhờ sự thông sáng mà sắp đặt các từng trời.

20

טָל׃	יִרְעֲפוּ־	וּשְׁחָקִים	נִבְקָעוּ	תְהוֹמוֹת	בְּדַעְתּוֹ
sương	nhỏ–giọt	và–mây–trời	xẻ–ra	vực–sâu	trong–sự–hiểu–biết–người
H2919	H7491	H7834	H1234	H8415	H1847

Do sự hiểu biết Ngài các vực sâu mở ra, Và mây đặt ra sương móc.

21

וּמְזִמָּה׃	תֻּשִׁיָּה	נְצֹר	מֵעֵינֶיךָ	יָלֻזוּ	אַל־	בְּנִי
và–mưu–kế	sự–thành–công	gìn–giữ	từ–mắt–ngươi	lệch–lạc	đừng	con–trai–tôi
H4209	H8454	H5341		H3868	H0408	

Hỡi con, khá gìn giữ sự khôn ngoan thật và sự dẽ dặt, Chớ để nó lìa xa mắt con;

22

לְגַרְגְּרֹתֶיךָ׃	וְחֵן	לְנַפְשֶׁךָ	חַיִּים	וְיִהְיוּ	
cho–cổ–ngươi	và–ân–huệ	cho–linh–hồn–ngươi	sự–sống	và–là	
H1621	H2580	H5315		H1961	

Thì nó sẽ là sự sống của linh hồn con, Và như đồ trang sức cho cổ con.

23

תִּגּוֹף׃	לֹא	וְרַגְלְךָ	דַּרְכְּךָ	לָבֶטַח	תֵּלֵךְ	אָז
đánh–bại	không	và–chân–ngươi	đường–ngươi	cho–an–toàn	đi	bấy–giờ
H5062	H3808	H7272	H1870	H0983	H3212	

Con sẽ bước đi vững vàng trong đường con, Và chơn con không vấp ngã.

24

שְׁנָתֶךָ׃	וְעָרְבָה	וְשָׁכַבְתָּ	תִּפְחָד	לֹא־	תִּשְׁכָּב	אִם־
giấc–ngủ–ngươi	và–ngọt–ngào	và–nằm	sợ–hãi	không	nằm	nếu
H8142	H6149	H7901	H6342	H3808	H7901	

Khi con nằm, chẳng có điều sợ hãi; Phải, con sẽ nằm được ngủ ngon giấc.

תָּבֹא׃	כִּי	רְשָׁעִים	וּמִשֹּׁאַת	פִּתְאֹם	מִפַּחַד	תִּירָא	אַל־	25
đến	vì	kẻ-ác	và-từ-sự-hoang-tàn	thình-lình	từ-sự-kinh-sợ	kính-sợ	đừng	
H0935		H7563		H6597	H6343	H3372	H0408	

Chớ sợ sự kinh khiếp xảy đến thình lình, Cũng đừng kinh hãi lúc sự tàn hại giáng trên kẻ ác;

מִלָּכֶד׃	רַגְלֶךָ	וְשָׁמַר	בְּכִסְלֶךָ	יִהְיֶה	יְהוָה	כִּי־	26
[H3921]	chân-ngươi	và-giữ-gìn	trong-sự-ngu-xuẩn-ngươi	là	Đức-Giê-hô-va	vì	
H3921	H7272	H8104	H3689	H1961	H3068		

Vì Đức Giê-hô-va là nơi nương cậy của con, Ngài sẽ gìn giữ chơn con khỏi mắc bẫy.

לַעֲשׂוֹת׃	)יָדֶךָ(	]ידיך[	לְאֵל	בְּהָוֹת	מִבְּעָלָיו	טוֹב	תִּמְנַע־	אַל־	27
cho-làm	tay-ngươi	tay-ngươi	Đức-Chúa-Trời	là	từ-chủ-người	phước	từ-chối	đừng	
	H3027	H3027	H0410	H1961	H1167		H4513	H0408	

Chớ từ chối làm lành cho kẻ nào xứng đáng, Miễn là tay con có quyền làm điều ấy.

וָשׁוּב	לֵךְ	)וּלְרֵעֶךָ(	]לרעיך[	תֹּאמַר	אַל־	28
và-trở-về	đi	cho-người-lân-cận-ngươi	cho-người-lân-cận-ngươi	nói	đừng	
H7725	H3212	H7453	H7453	H0559	H0408	

אִתָּךְ׃	וְיֵשׁ	אֶתֵּן	וּמָחָר
với-ngươi	và-có	ban-cho	và-ngày-mai
H0854	H3426	H5414	H4279

Nhược bằng con có tại nơi con vật kẻ lân cận cầu xin, thì chớ nói với người rằng: Hãy đi và trở lại, ngày mai ta sẽ cho ngươi.

אִתָּךְ׃	לָבֶטַח	יוֹשֵׁב	וְהוּא־	רָעָה	רֵעֲךָ	עַל־	תַּחֲרֹשׁ	אַל־	29
với-ngươi	cho-an-toàn	ở	và-ấy	điều-ác	người-lân-cận-ngươi	trên	cày	đừng	
H0854	H0983	H3427	H1931		H7453			H0408	

Chớ lập mưu hại kẻ lân cận con, Vì người ăn ở bình yên bên con.

וְגָמָלְךָ	לֹא	אִם־	חִנָּם	אָדָם	עִם־	)תָּרִיב(	]תרוב[	אַל־	30
trả-lại-ngươi	không	nếu	không-điều-kiện	loài-người	với	tranh-cãi	tranh-cãi	đừng	
H1580	H3808		H2600	H0120		H7378	H7378	H0408	

רָעָה׃
điều-ác

Nếu không có làm điều hại cho con, Chớ tranh giành vô cớ với ai.

דְּרָכָיו׃	בְּכָל־	תִּבְחַר	וְאַל־	חָמָס	בְּאִישׁ	תְּקַנֵּא	אַל־	31
đường-người	trong-tất-cả	chọn	và-đừng	bạo-lực	trong-người	ghen-tị	đừng	
H1870	H3605	H0977	H0408	H2555	H0376	H7065	H0408	

Chớ phân bì với kẻ hung dữ, Cũng đừng chọn lối nào của hắn;

סוֹדוֹ׃	יְשָׁרִים	וְאֶת־	נָלוֹז	יְהוָה	תּוֹעֲבַת	כִּי	32
bí-mật-người	ngay-thẳng	và-với	lệch-lạc	Đức-Giê-hô-va	điều-gớm-ghiếc	vì	
H5475	H3477	H0854	H3868	H3068	H8441		

Vì Đức Giê-hô-va gớm ghiếc kẻ gian tà; Nhưng kết tình bậu bạn cùng người ngay thẳng.

יְבָרֵךְ׃	צַדִּיקִים	וּנְוֵה	רָשָׁע	בְּבֵית	יְהוָה	מְאֵרַת	33
chúc-phước	công-chính	và-chỗ-ở	kẻ-ác	trong-nhà	Đức-Giê-hô-va	sự-rủa-sả	
H1288	H6662		H7563		H3068	H3994	

Sự rủa sả của Đức Giê-hô-va giáng trên nhà kẻ ác. Song Ngài ban phước cho chỗ ở của người công bình.

34 | אִם־ nếu | לַלֵּצִים cho-kẻ-nhạo-báng H3887 | הֽוּא־ ấy H1931 | יָלִ֑יץ kẻ-nhạo-báng H3887 |]ולעניים[và-cho-khốn-khổ H6041 |)וְלַעֲנָוִים(và-cho-khiêm-nhường H6035
יִתֶּן־ ban-cho H5414 | חֵֽן׃ ân-huệ H2580

> Quả thật Ngài nhạo báng kẻ hay nhạo báng; Nhưng Ngài ban ơn cho người khiêm nhường.

35 | כָּבוֹד vinh-quang H3519 | חֲכָמִ֣ים khôn-ngoan H2450 | יִנְחָ֑לוּ thừa-kế H5157 | וּכְסִילִים và-kẻ-ngu-dại H3684 | מֵרִ֥ים tôn-cao | קָלֽוֹן׃ sự-sỉ-nhục H7036 | פ —

> Người khôn ngoan sẽ hưởng được sự vinh hiển; Còn sự thăng lên của kẻ ngu dại sẽ ra điều hổ thẹn.